

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/KDTM-ST

Ngày: 31/12/2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và Ông Huỳnh Khắc Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2021/TLST-KDTM ngày 03/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXX-ST ngày 16/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-KDTM ngày 29/11/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-KDTM ngày 20/12/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty P. Địa chỉ: đường P, phường Y, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo pháp luật ông Trần Ngọc T-chức vụ giám đốc. Ủy quyền cho ông Lý Mạnh D, sinh năm: 1971. Địa chỉ: đường T, phường T1, thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia tố tụng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty I. Địa chỉ: đường P, phường N, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật ông Đỗ Lương N-chức vụ giám đốc. Ủy quyền cho ông Võ Quang B, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền số 01/2021/GUQ ngày 13/4/2021 tham gia tố tụng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 24/7/2018 giữa công ty P và Công ty I ký hợp

đồng mua bán vật tư xây dựng, cung cấp mặt hàng sắt, thép, xi măng cho công ty I để thực hiện công trình tại Tuy Hòa. Quá trình thực hiện hợp đồng công ty P giao đầy đủ số lượng cho công ty I vào ngày 21/12/2018. Hai bên thống nhất công ty I sẽ thanh toán đầy đủ cho công ty P 30 ngày kể từ ngày nhận hàng (27/8/2019), nhưng công ty I không thanh toán đầy đủ. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 26/11/2020 thì công ty I còn nợ công ty P số tiền chưa thanh toán 1.092.085.528đ. Nay yêu cầu công ty I trả cho công ty P số tiền trên và lãi suất 10%/năm và thời hạn tính lãi từ ngày 26/11/2020 đến ngày 31/12/2021 là 13 tháng (làm tròn) x 1.092.085.528đ x 10%/năm (0,83%/tháng) = 117.836.028đ.

Quá trình thu thập chứng cứ đại diện bị đơn trình bày: Thừa nhận còn nợ công ty P số tiền mua vật liệu chưa thanh toán 1.092.085.528đ. Tiền lãi nhờ tòa án xem xét.

Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành hòa giải và công khai việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa. Các bên tham gia ký kết Hợp đồng đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó cần xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất chọn TAND thành phố T giải quyết nên Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý thuộc thẩm quyền theo khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng được lập bằng văn bản, các bên thỏa thuận với nhau về việc mua bán hàng hóa, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi bên, giá cả và hình thức thanh toán, thời hạn thanh toán. Nội dung thỏa thuận và giao kết không trái với quy định của pháp luật nên hợp đồng được xác lập giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật thương mại, do vậy hợp đồng mua bán hàng hóa được các bên xác lập có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng kinh tế ngày 24/7/2018 và Hợp đồng kinh tế số 03-IVC/2019 ngày 01/01/2019. Theo nội dung của hợp đồng thì nguyên đơn có trách nhiệm

cung cấp sắt, thép, xi măng cho bị đơn. Hai bên thỏa thuận về thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng. Nếu bên mua không thanh toán đúng hạn sẽ chịu lãi suất quá hạn 1%/tháng nhưng không quá 15 ngày, bên mua phải thanh toán cả gốc và lãi cho bên bán. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 26/11/2020, thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền chưa thanh toán 1.092.085.528đ. Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ mua hàng của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ vì số tiền nợ gốc đều đã được các bên đương sự xác nhận, đúng với sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng mua bán đã ký kết và phù hợp với quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật thương mại.

[3.3] Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 26/11/2020 đến ngày 31/12/2021 của nguyên đơn đối với bị đơn với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với sự thỏa thuận và Điều 306 Luật thương mại nên yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ và cần được chấp nhận như sau: $1.092.085.528đ \times 10\%/năm (0,83\%/tháng) \times 13 \text{ tháng (làm tròn)} = 117.836.028đ$.

[4] Như vậy tổng số tiền gốc và và lãi tính đến ngày xét xử, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn: $1.092.085.528đ + 117.836.028đ = 1.209.921.556đ$.

[5] Về án phí: **Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 24, 50, 55, 306 Luật thương mại 2005; khoản 1 Điều 30; Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn Công ty I trả cho nguyên đơn Công ty P số tiền 1.209.921.556đ (một tỷ hai trăm lẻ chín triệu chín trăm hai mươi một ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng); trong đó tiền gốc 1.092.085.528đ (một tỷ không trăm chín mươi hai triệu không trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm hai mươi tám đồng), tiền lãi 117.836.028đ (một trăm mười bảy triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn không trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/01/2022) và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn Công ty I phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 48.297.000đ (bốn mươi tám triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn công ty P số tiền 24.101.000đ (hai mươi bốn triệu một trăm lẻ một ngàn đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hoa Dung